ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CÔN ĐẢO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 399 /BC.UBND	*Côn Đảo, ngày 30 tháng 11 năm 2018*

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019

Căn cứ Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện khóa XI - kỳ họp thứ sáu và kỳ họp thứ bảy: Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/12/2017 về giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2018; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 22/12/2017 về thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, sự nghiệp kinh tế năm 2017 và kế hoạch năm 2018; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 22/12/2017 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh 6 tháng cuối năm 2018;

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2018. Trong đó, đã phân giao các khoản chi thường xuyên và không thường xuyên của các đơn vị, nhằm tạo tính chủ động cho các đơn vị trong việc chi tiêu cũng như kiểm soát được việc sử dụng kinh phí đúng quy định của Luật Ngân sách.

UBND huyện Côn Đảo báo cáo tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 và dự toán năm 2019 như sau:

PHẦN I
ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NSNN NĂM 2018

A. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thu NSNN năm 2018 ước thực hiện là 324.712 triệu đồng, đạt 105,70% so với dự toán năm 2018 (không tính thu chuyển nguồn và kết dư ngân sách)[1]. Trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp là 303.093 triệu đồng, đạt 104,94% dự toán năm. Cụ thể như sau:

I. Ước thu NSNN trên địa bàn: 74.175 triệu đồng, đạt 129,30% dự toán năm, trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp là 52.556 triệu đồng, đạt 134,77% dự toán năm. Chi tiết như sau:

[1] Thu ngân sách năm 2018 bao gồm số chuyển nguồn và kết dư là 685.849 triệu đồng, đạt 223,26% dự toán; ngân sách huyện được hưởng 664.230 triệu đồng, đạt 229,97% dự toán.

1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) Trung ương: 5.400 triệu đồng, đạt 168,75% dự toán năm, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.708 triệu đồng, đạt 156,32% dự toán năm. Trong đó:

- Thuế giá trị gia tăng: 4.400 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 2.816 triệu đồng, đạt 251,43% dự toán năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 300 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 192 triệu đồng, đạt 54,55% dự toán năm.

- Thuế tài nguyên: 700 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 700 triệu đồng, đạt 77,78% dự toán năm.

2. Thu từ khu vực DNNN địa phương: 9.300 triệu đồng, đạt 93% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 6.312 triệu đồng, đạt 94,38% dự toán năm. Trong đó:

- Thuế giá trị gia tăng: 7.100 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 4.544 triệu đồng, đạt 86,59% dự toán năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.200 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 768 triệu đồng, đạt 120% dự toán năm.

- Thuế tài nguyên: 1.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 1.000 triệu đồng, đạt 125% dự toán năm.

3. Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài: 14.000 triệu đồng, đạt 100% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 8.322 triệu đồng, đạt 92,82% dự toán năm. Trong đó:

- Thuế giá trị gia tăng: 11.740 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 7.514 triệu đồng, đạt 100% dự toán năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 2.100 triệu đồng, đạt 100% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 700 triệu đồng, đạt 52,08% dự toán năm.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: 145 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 93 triệu đồng, đạt 100% dự toán năm.

- Thuế tài nguyên: 15 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 15 triệu đồng, đạt 100% dự toán năm.

4. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: 17.290 triệu đồng, đạt 103,84% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 11.193 triệu đồng, đạt 104,23% dự toán năm. Trong đó:

- Thuế giá trị gia tăng: 14.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 8.960 triệu đồng, đạt 100% dự toán năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 2.686 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 1.719 triệu đồng, đạt 122,09% dự toán năm.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: 250 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 160 triệu đồng, đạt 113,64% dự toán năm.

- Thuế tài nguyên: 354 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 354 triệu đồng, đạt 153,91% dự toán năm.

5. Lệ phí trước bạ: 1.700 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 1.700 triệu đồng, đạt 242,86% dự toán năm.

6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 20 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 20 triệu đồng.

7. Thuế thu nhập cá nhân: 8.000 triệu đồng, đạt 173,91% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.868 triệu đồng, đạt 251,82% dự toán năm.

8. Phí – Lệ phí: 1.100 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng 1.100 triệu đồng, đạt 95,65% dự toán năm.

9. Thu tiền sử dụng đất: 10.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 10.000 triệu đồng, đạt 200% dự toán năm.

10. Thu tiền thuê đất: 2.777 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 2.777 triệu đồng, đạt 277,70% dự toán năm.

11. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 436 triệu đồng.

12. Thu khác ngân sách: 4.152 triệu đồng, đạt 388,76% dự toán năm; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.120 triệu đồng, đạt 367,92% dự toán năm.

II- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 250.537 triệu đồng, đạt 100,28% dự toán năm. Trong đó:

1. Trợ cấp cân đối ngân sách: 247.182 triệu đồng.

2. Thu bổ sung có mục tiêu: 3.355 triệu đồng.

III. Đánh giá khả năng thực hiện thu ngân sách năm 2018

1. Đánh giá các yếu tố làm ảnh hưởng đến thu ngân sách

Nhìn chung, tình hình thu NSNN năm 2018 trên địa bàn huyện ước đạt và vượt dự toán giao, cụ thể như sau:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: có 04 đơn vị, trong đó 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc; số thu phát sinh chủ yếu từ Đội khai thác đá Côn Đảo, Cảng hàng không Côn Đảo, Khách sạn Tân Sơn Nhất, thuế GTGT vãng lai, tiến độ thu ổn định, ước thu cả năm đạt 168,75% so với dự toán giao.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương:

Số thu chủ yếu phát sinh từ các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh dịch vụ du lịch, hiện tại các doanh nghiệp này khai thuế GTGT và thuế TNDN theo quý như Chi nhánh Tổng công ty du lịch Sài Gòn tại Côn Đảo, Nhà nghỉ dưỡng công nhân lao động, Trạm cung cấp nước. Lượng khách du lịch đến với Côn Đảo tăng cao, tuy nhiên khách chuyển sang sử dụng dịch vụ bình dân, nhà nghỉ khách sạn của cá nhân, hộ gia đình nên giảm khu vực doanh nghiệp nhà nước, tiến độ thu đạt thấp, ước thu cả năm đạt 93% so với dự toán.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: số thu này do Phòng nghiệp vụ Cục thuế tỉnh thu, điều tiết về ngân sách huyện.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Ngoài số thuế phát sinh từ các doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn, cơ quan thu đã tích cực đôn đốc thu nợ thuế, thu thuế GTGT vãng lai của một số doanh nghiệp có hoạt động xây dựng trên địa bàn, lượng khách đến với Côn Đảo tăng do đó tiến độ thu từ lĩnh vực này ước thu cả năm đạt 103,84% so với dự toán năm.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: số thu từ Cảng hàng không Côn Đảo, Chi nhánh Tổng công ty du lịch Sài gòn tại Côn Đảo, Nhà nghỉ dưỡng công nhân lao

động; số hồ sơ chuyển nhượng bất động sản tăng cao, trong đó 01 cá nhân nộp thuế 900 triệu đồng từ chuyển nhượng bất động sản; cá nhân nộp thuế khoán, ước thu cả năm đạt 173,91% so với dự toán năm.

- Thu tiền sử dụng đất: Số thu từ cá nhân, Hộ gia đình hết thời hạn ghi nợ tiền sử dụng đất, nộp tiền sử dụng đất ghi nợ trước để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giao đất mới do đó tiến độ thu ở lĩnh vực này đạt cao, ước thu cả năm đạt 200% so với dự toán năm.

- Thu tiền thuê đất: Số thu tiền thuê đất của doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình trong nước, ước thu cả năm đạt 277,70% dự toán.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Số thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp chủ yếu phát sinh từ cá nhân, hộ gia đình, ước thu cả năm được 20 triệu đồng, số thu không nằm trong giao dự toán.

- Thu trước bạ: Số thu ở lĩnh vực này ước cả năm đạt 242,86% dự toán, số thu phát sinh từ lệ phí trước bạ xe máy (không thu lệ phí trước bạ xe ôtô do không thuộc thẩm quyền cấp huyện), phát sinh tăng hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong đó 01 cá nhân nộp lệ phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 225 triệu đồng.

- Thu phí, lệ phí (trong cân đối): Số thu phí, lệ phí trên địa bàn phát sinh chủ yếu từ Đội khai thác đá Côn Đảo, Phòng Tư pháp, Công an huyện, DNTN Hùng Châu, ước thu cả năm đạt 95,65% dự toán.

- Thu khác: Số thu phát sinh từ thu tiền phạt vi phạm an toàn giao thông, phạt vi phạm hành chính do ngành thuế thực hiện, thu hồi các khoản chi của năm trước (kinh phí trợ giá nước và kinh phí trợ giá vận chuyển hành khách còn thừa sau quyết toán năm 2017: 524 triệu đồng, kinh phí thực hiện chương trình bình ổn giá 212 triệu đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng nộp trả kinh phí đã bố trí dự án đường trục phía Bắc Trung tâm Côn Đảo do chuyển sang vốn ngân sách tỉnh nên đã chuyển trả phần ngân sách huyện đã bố trí số tiền 830 triệu đồng, thu hồi, xuất toán của các cơ quan, đơn vị); Phòng Kinh tế nộp tiền đền bù bồi thường cây trồng, vật nuôi từ các công trình bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất năm 2017 nộp vào ngân sách niên độ 2018 số tiền 735 triệu đồng, và các khoản thu khác còn lại.

B. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Ước tổng chi ngân sách huyện Côn Đảo năm 2018 là: 279.053 triệu đồng, ước đạt 96,61% so với dự toán năm. Trong đó:

I. Chi đầu tư phát triển: 67.672 triệu đồng, ước đạt 90,03% (67.672 triệu đồng/75.163 triệu đồng) dự toán năm (so với kế hoạch UBND tỉnh giao tại Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 22/12/2017). Trong đó:

- Chi XDCB: 60.893 triệu đồng.

- Mua sắm, sửa chữa TSCĐ: 6.779 triệu đồng.

II. Chi thường xuyên: 210.115 triệu đồng, ước đạt 101,01% dự toán năm.

1. Chi sự nghiệp nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 38.464 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

2. Chi quốc phòng, an ninh: 8.447 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

3. Chi văn hóa thông tin: 4.478 triệu đồng, ước đạt 92,03% dự toán năm.

4. Chi phát thanh và truyền hình: 4.959 triệu đồng, ước đạt 110,87% dự toán năm.

5. Chi các hoạt động kinh tế: 45.239 triệu đồng, ước đạt 79,81% dự toán năm.

6. Chi trợ giá ước đạt 11.136 triệu đồng, ước đạt 94,31% dự toán năm.

7. Chi các đơn vị sự nghiệp kinh tế: 8.143 triệu đồng.

8. Chi quản lý hành chính, nhà nước, đoàn thể, hội đặc thù, khen thưởng: 69.316 triệu đồng, ước đạt 121,35% dự toán năm.

9. Chi đảm bảo xã hội: 8.819 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

10. Chi khác: 7.500 triệu đồng, ước đạt 121,40% dự toán năm.

11. Khen thưởng: 1.418 triệu đồng, ước đạt 100% dự toán năm.

12. Chi thực hiện cải cách tiền lương: 2.196 triệu đồng, ước đạt 105,17% dự toán năm.

III. Chi từ nguồn dự phòng: 1.266 triệu đồng.

VI. Đánh giá chi ngân sách năm 2018

Chi ngân sách huyện năm 2018 ước đạt 96,61% dự toán được giao, các yếu tố ảnh hưởng đến dự toán chi ngân sách năm 2018 là do:

- Thực hiện tinh giản biên chế trong năm 2018, giảm 04 chỉ tiêu biên chế tại các cơ quan hành chính và giảm 04 chỉ tiêu về số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo một phần và toàn bộ kinh phí hoạt động.

- Đội Quản lý thị trường số 8 sáp nhập về Đội Quản lý thị trường số 2 thuộc Thành phố Vũng Tàu từ tháng 10/2018.

- Trạm Cung cấp nước chuyển đổi loại hình hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (từ đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo một phần kinh phí sang đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên).

- Theo hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 4760/STC-QLNS ngày 29/12/2017 về sử dụng kinh phí chi cho con người và chi hoạt động thường xuyên tại các đơn vị quản lý hành chính và đơn vị sự nghiệp giáo dục. Theo đó nguồn kinh phí tiền lương đã được bố trí trong dự toán đầu năm còn thừa theo dõi và chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện. Do đó, đối với các cơ quan, đơn vị còn biên chế trống chưa tuyển dụng, hoặc nghỉ việc, điều chuyển sẽ không được sử dụng kinh phí đã được bố trí trong dự toán (nguồn chi trả lương) để chi hoạt động, kinh phí này nếu thừa được tiếp chuyển sang năm thực hiện.

- Nguồn dự phòng chưa sử dụng: 4.397 triệu đồng.

- Đề án dạy và học Tiếng Anh giai đoạn 2 chưa triển khai trong năm 2018 nên chưa giải ngân kinh phí, kinh phí được bố trí 2.252 triệu đồng.

- Chi mua sắm,sửa chữa tài sản đạt 37,65% là do điều chuyển nội dung chi đầu tư phát triển khác sang bố trí trực tiếp cho các cơ quan đơn vị trong chi thường xuyên.

Ngoài các nội dung nêu trên, trong năm 2018 dự toán chi tăng là do bổ sung chi thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 (tăng lương cơ sở từ 1,3 triệu

đồng lên 1,39 triệu đồng) cho các cơ quan, đơn vị thiếu nguồn thực hiện tiền lương; nộp trả kinh phí bán phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH Côn Đảo về Qũy hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 836/UBND-VP ngày 25/01/2018, số tiền là 7.156 triệu đồng; bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo điều hành của UBND huyện, bổ sung kinh phí hoạt động của Thường trực HĐND và UBND huyện, Thường trực Huyện ủy,...; bổ sung kinh phí chi trả các chế độ chính sách thôi việc, nghỉ việc, chế độ trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu về chính sách dân tộc, phòng cháy chữa cháy rừng, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, kinh phí thực hiện đề án xã phường không ma túy, hỗ tợ kinh phí tìm kiếm cứu nạn, ...

PHẦN II
DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2019

A. CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019 – 2021.

Năm 2019 là năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020 nên dự toán chi được tính toán đầy đủ các nội dung chi theo các chính sách, chế độ do cấp thẩm quyền ban hành, đảm bảo đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, đồng thời năm 2019 tiếp tục thực hiện tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi ngân sách, đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện các chế độ, chính sách cho người có công với cách mạng, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội,... đảm bảo lương và các khoản phụ cấp theo quy định.

B. ƯỚC THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Ước thu NSNN năm 2019 dự kiến theo dự toán UBND tỉnh phân bổ là 349.621 triệu đồng, bằng 107,7% so với ước thực hiện dự toán năm 2018. Trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 328.033 triệu đồng, bằng 108,2% so với ước thực hiện dự toán năm 2018.

Ước thu NSNN năm 2019 (bao gồm số kết dư 2017 đề nghị bố trí thực hiện nhiệm vụ trong năm 2019) là 425.435 triệu đồng, bằng 131% so với ước thực hiện dự toán năm 2018. Trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 403.847 triệu đồng, bằng 133,2% so với ước thực hiện dự toán năm 2018. Cụ thể:

I. Ước thu NSNN trên địa bàn: 74.250 triệu đồng, bằng 100,1% so với ước thực hiện năm 2018; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 52.662 triệu đồng, bằng 100,2% so với ước thực hiện dự toán năm 2018.

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: 5.700 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.828 triệu đồng.

- Thuế giá trị gia tăng: 4.800 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 3.072 triệu đồng.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 400 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 256 triệu đồng.

- Thuế tài nguyên: 500 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 500 triệu đồng.

2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương quản lý: 10.300 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 6.952 triệu đồng.

- Thuế giá trị gia tăng: 8.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 5.120 triệu đồng.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.300 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 832 triệu đồng.

- Thuế tài nguyên: 1.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 1.000 triệu đồng.

3. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 15.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 9.604 triệu đồng.

- Thuế giá trị gia tăng: 11.970 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 7.661 triệu đồng.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 2.800 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 1.792 triệu đồng.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: 220 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 141 triệu đồng.

- Thuế tài nguyên: 10 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 10 triệu đồng.

4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 19.800 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 12.812 triệu đồng.

- Thuế giá trị gia tăng: 16.850 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 10.784 triệu đồng.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 2.300 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 1.472 triệu đồng.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: 260 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 166 triệu đồng.

- Thuế tài nguyên: 390 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 390 triệu đồng.

5. Lệ phí trước bạ: 1.500 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 1.500 triệu đồng.

6. Thuế thu nhập cá nhân: 6.500 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 2.816 triệu đồng.

7. Thu phí, lệ phí: 1.200 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 1.200 triệu đồng.

8. Tiền sử dụng đất: 11.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 11.000 triệu đồng.

9. Thu tiền thuê đất, mặt nước: 2.000 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 2.000 triệu đồng.

10. Thu khác ngân sách: 1.250 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 950 triệu đồng.

II. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 275.371 triệu đồng.

III. Thu từ nguồn kết dư (kết dư năm 2017 chuyển sang): 75.814 triệu đồng.

C. ƯỚC CHI TRÊN ĐỊA BÀN

Ước chi ngân sách huyện năm 2019 là 403.847 triệu đồng.

I. Chi đầu tư phát triển: 83.995 triệu đồng. Trong đó:

- Chi XDCB: 65.990 triệu đồng (trong đó chi từ nguồn XSKT là 8.000 triệu đồng; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 11.000 triệu đồng).

- Mua sắm, sửa chữa TSCĐ: 18.005 triệu đồng.

II. Chi thường xuyên: 237.606 triệu đồng.

1. Chi sự nghiệp nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 41.010 triệu đồng.

2. Chi quốc phòng, an ninh: 8.447 triệu đồng.

3. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 4.991 triệu đồng.

4. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 4.728 triệu đồng.

5. Chi các hoạt động kinh tế (bao gồm chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp khác): 101.528 triệu đồng. Trong đó:

- Chi trợ giá: 9.256 triệu đồng.

- Chi các đơn vị sự nghiệp: 8.088 triệu đồng.

- Chi bảo vệ môi trường: 4.300 triệu đồng.

6. Chi quản lý hành chính, nhà nước, đoàn thể, hội đặc thù: 58.407 triệu đồng.

7. Chi đảm bảo xã hội: 9.655 triệu đồng.

8. Chi khen thưởng: 1.483 triệu đồng.

9. Chi khác: 7.357 triệu đồng.

(Lương và các khoản đóng góp của các đơn vị dự toán theo mức lương 1,39 triệu đồng, riêng biên chế trống tính theo mức lương 1,21 triệu đồng).

III. Chi từ nguồn dự phòng: 6.432 triệu đồng.

IV. Chi từ nguồn kết dư (kết dư 2017 chuyển sang): 75.814 triệu đồng.

Dự toán chi năm 2019 tăng là do thực hiện các chế độ chính sách mới được cơ quan có thẩm quyền ban hành như kinh phí thực hiện đề án kinh tế hộ theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 29/3/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh (Theo Công văn số 2114/MTTQVN-BTT ngày 22//8/2018 của UBMTTQ Việt Nam tỉnh); nâng mức hoạt động phí của Tổ dân cư tăng từ hệ 0,5 đồng lên hệ số 1; kinh phí bổ sung có mục tiêu năm 2019 cho ngân sách huyện như kinh phí cắm mốc rừng phòng hộ, kinh phí thực hiện

công trình đường vào cổng chính Nghĩa trang Hàng dương, kinh phí thực hiện dự án camera giám sát thông minh, kinh phí thực hiện công tác xúc tiến quảng bá du lịch trong nước và nước ngoài.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện thu ngân sách địa phương, chi ngân sách huyện năm 2018 và dự kiến dự toán năm 2019.

Ghi chú :

- Kèm theo thuyết minh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019; dự kiến nhiệm vụ thu, chi năm 2019; dự kiến phương án phân bổ dự toán năm 2019.

- Số liệu thu, chi năm 2019 nêu trên là số liệu dự kiến phân bổ ngân sách huyện cập nhật đến ngày 20/11/2018 ; sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định giao chính thức nếu có thay đổi sẽ đề nghị điều chỉnh, bổ sung.

Nơi nhận:
- TTr: HU, HĐND;
- Chủ tịch, các PCTUB huyện;
- Ban Kinh tế xã hội HĐND huyện;
- Lưu: VT, TC-KH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÔN ĐẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THUYẾT MINH CHI NSNN NĂM 2019
CÁC CƠ QUAN QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ
(Các khoản chi NĐM và các khoản chi mang tính đặc thù)

I. Cơ sở để phân bổ ngân sách cho các đơn vị

Căn cứ Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017.

Kinh phí năm trước liền kề (2018) và khả năng cân đối ngân sách trong tổng chi Ngân sách địa phương được giao.

Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp Văn hóa thông tin, sự nghiệp phát thanh truyền hình tính trên cơ sở dân số, kinh phí được phân bổ không đảm bảo chi hoạt động thường xuyên của đơn vị, các sự nghiệp khác như Ban Quản lý chợ, Ban Quản lý các khu du lịch, Trạm Thú y và Bảo vệ thực vật, Trung tâm phát triển quỹ đất không có định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên, đề xuất trên cơ sở cân đối khả năng ngân sách thời kỳ ổn định giai đoạn 2017 – 2020 để bố trí cho các cơ quan, đơn vị. Cụ thể đề xuất định mức phân bổ các đơn vị sự nghiệp của huyện nêu trên như sau:

- Định mức chi thường xuyên đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là **36,4 triệu đồng/bc/năm** (bằng dự toán giao năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách).

- Định mức chi thường xuyên đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là **39,52 triệu đồng/bc/năm** (bằng dự toán giao năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách).

Đối với các cơ quan, đơn vị khi áp dụng định mức mới, kinh phí hoạt động thấp hơn dự toán giao năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách), đề xuất bổ sung phần chênh lệch thiếu để đảm bảo mặt bằng dự toán năm 2019 bằng năm 2017 (trừ đơn vị thực hiện tinh giản biên chế).

Theo Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh, kinh phí hoạt động của quản lý hành chính, đoàn thể là 52 triệu đồng/bc/năm; hoạt động cơ quan Đảng là 61 triệu đồng/bc/năm. Hoạt động các Trường học cụ thể như sau:

- Trường Mầm non: 35 triệu đồng/bc/năm.
- Trường tiểu học: 31 triệu đồng/bc/năm.
- Trường THCS và THPT, TTGDTXHN: 30 triệu đồng/bc/năm.

Ngoài ra, phân bổ thêm kinh phí hoạt động theo quy mô trường học:

- Đối với trường có dưới 20 giáo viên: 2 triệu đồng/bc/năm.
- Đối với trường có từ 20 - 30 giáo viên: 1 triệu đồng/bc/năm.
- Đối với trường có từ 30 - 40 giáo viên: 0,5 triệu đồng/bc/năm.

Bổ sung kinh phí hoạt động đối với phòng ban ít biên chế (tỷ lệ % x tổng kinh phí hoạt động), cụ thể đơn vị có từ 6 đến 9 biên chế được tính thêm 5%; đơn vị có từ 5 biên chế trở xuống được tính thêm 10%.

Theo định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh, chi cho con người đới với quản lý hành nhà nước, đoàn thể tính bình quân hệ số là 9,53; cơ quan Đảng hệ số bình quân là 10, 53; sự nghiệp giáo dục hệ số bình quân là 8,65 (bao gồm lương, thâm niên vượt khung, phụ cấp ưu đãi ngành, phụ cấp thâm niên nghề, …. được cơ quan có thẩm quyền ban hành đến ngày 31 tháng 5 năm 2016 và các loại phụ cấp áp dụng trên địa bàn huyện, các khoản đóng góp theo lương). Tuy nhiên, do hệ số lương các cơ quan, đơn vị khác nhau, nếu tính theo mức bình quân nêu trên đối với các cơ quan có cán bộ, công chức, viên chức thâm niên công tác lâu, hệ số lương lớn sẽ không bảo đảm kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp. Do đó, đảm bảo kinh phí chi cho con người, đề xuất áp dụng theo hệ số lương thực tế và các khoản phụ cấp, đóng góp theo quy định, mức lương cơ sở để xác định quỹ lương là 1,39 triệu đồng.

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chung của UBND huyện Côn Đảo là 2.900 triệu đồng/năm gồm:

- Chi tiếp khách:1.000 triệu đồng.

- Chi hoạt động Thường trực HĐND, UBND huyện: 1.500 triệu đồng.

- Chi tiếp công dân, chi cải cách hành chính, chi tuyên truyền phổ biến pháp luật: 400 triệu đồng.

Chi thực hiện nhiệm vụ chung của cơ quan Đảng: 97/triệu đồng/bc/năm: gồm kinh phí chi hoạt động của Thường trực huyện ủy, hoạt động chung cơ quan Đảng, chi hoạt động các cơ sở Đảng thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện (không bao gồm ngành dọc).

Trên cơ sở mức chi trợ cấp Tết nguyên đán năm 2018, đề nghị trước mắt bố trí trong dự toán năm 2018 kinh phí chi trợ cấp Tết cho các bộ công chức, viên chức, cán bộ khu dân cư,… như đã thực hiện năm 2018 (mức chi trợ cấp Tết của tỉnh là 1,5 triệu đồng/người đối với cán bộ, công chức, viên chức), mức chi của huyện là 1 triệu đồng/người đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế, các chi hội khu dân cư, tổ dân cư,…). Ngoài ra, đề nghị tiếp tục hỗ trợ thêm tiền phép cho cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thụ hưởng ngân sách huyện như năm 2018 là 2 triệu đồng/người/năm (chỉ bố trí vào dự toán nguồn kinh phí khoán tiền trợ cấp Tết và tiền phép đối với biên chế thực tế có mặt, các đối tượng còn lại bố trí vào dự toán nguồn kinh phí không khoán).

II. Thuyết minh dự toán chi năm 2019 của các cơ quan, đơn vị

Trên cơ sở các chế độ, chính sách và chủ trương của cấp có thẩm quyền về giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2019, chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị và khả năng cân đối ngân sách huyện, UBND huyện thuyết minh dự toán chi năm 2019 đối với các khoản chi không thường xuyên, không thực hiện tự chủ và các khoản chi đặc thù cụ thể như sau:

1. <u>VĂN PHÒNG HĐND và UBND</u>:

Kinh phí không thực hiện tự chủ:

- Kinh phí hoạt động của HĐND, thường trực HĐND huyện: 2.164.272.800 đồng. Trong đó:

+ Kinh phí hoạt động của đại biểu HĐND huyện được bố trí theo định mức 1.200.000.000 đồng (bao gồm sinh hoạt phí đại biểu HĐND: 323.592.000 đồng).

+ Cân đối ngân sách huyện đảm bảo hoạt động của HĐND, thường trực HĐND huyện là 964.272.800 đồng, gồm các nội dung chi:

++ Chi hoạt động thường trực HĐND huyện: 318.144.000 đồng (đề nghị từ chi thực hiện nhiệm vụ chung của UBND huyện được ngân sách tỉnh bố trí).

++ Chi nhiên liệu của Thường trực HĐND: 120.000.000 đồng.

++ Chi trợ cấp tết cho ĐB HĐND huyện không hưởng lương từ ngân sách: 2.500.000 đồng (trợ cấp tết của Tỉnh và của Huyện).

++ Chi tiếp công dân: 22.500.000 đồng.

++ Trang thông tin điện tử HĐND: 70.200.000 đồng.

++ Chi hoạt động của HĐND (phần chênh lệch ngoài định mức 1.200.000.000 đồng): 349.072.800 đồng; đảm bảo hoạt động của Thường trực HĐND huyện: 81.856.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 tăng 180.783.800 đồng, chủ yếu tăng lương theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng; kinh phí hoạt động HĐND đảm bảo theo Nghị quyết 81/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh, bao gồm kỳ họp bất thường.*

- Chi thực hiện nhiệm vụ chung của UBND huyện (hoạt động Thường trực UBND huyện): định mức được bố trí (2 tỷ đồng – 0,318 tỷ đồng + 0,5 tỷ đồng tiếp khách): 2.181.856.000 đồng; cân đối từ ngân sách huyện: 1.218.144.000 đồng. Gồm các nội dung:

+ Chi nhiên liệu của Thường trực UBND: 450.000.000 đồng.

+ Chi các hoạt động của thường trực UBND: 611.856.000 đồng (bao gồm cả chi thăm tặng quà tết, …).

+ Chi tiếp khách: 900.000.000 đồng (bao gồm kinh phí tiếp khách của Thường trực HĐND huyện).

+ Chi khác của thường trực UBND để đảm bảo mặt bằng dự toán: 1.438.144.000 đồng (bao gồm cả chi thăm tặng quà tết, …).

- Kinh phí khu dân cư, tiếp công dân, trợ cấp tết, các nội dung chi có mục tiêu khác: 2.188.320.000 đồng.

+ Chi trợ cấp Trưởng, phó Khu dân cư: 500.400.000 đồng.

+ Chi trợ cấp sinh hoạt phí 10 Khu dân cư: 150.000.000 đồng.

+ Chi trợ cấp sinh hoạt phí 49 tổ dân cư: 817.320.000 đồng.

+ Chi trợ cấp Tết 10 Khu dân cư: 60.000.000 đồng (tỉnh: 40.000.000 đồng, huyện: 20.000.000 đồng).

+ Chi trợ cấp Tết tổ dân cư (tỉnh): 49.000.000 đồng.

+ Chi trợ cấp Tết cho cán bộ khu dân cư: 17.000.000 đồng.

+ Chi đồng phục bộ phận một cửa: 21.000.000 đồng.

+ Chi mua bảo hiểm xe: 90.000.000 đồng.

+ Chi sửa chữa xe ô tô: 200.000.000 đồng (05 xe ô tô).

+ Chi thăm các cụ tù (05 cụ): 10.000.000 đồng.

+ Chi thăm, chúc tết lực lượng vũ trang: 40.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động chi trả phục vụ phát sinh: 132.000.000 đồng.

+ Chi thực hiện nhiệm vụ kiểm soát CCHC: 20.000.000 đồng.

+ Chi tiếp công dân: 48.000.000 đồng.

+ Chi công chức bộ phận một cửa: 33.600.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 tăng 880.520.000 đồng, trong đó tăng lương theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng của khu dân cư, tổ dân cư, tăng hoạt động phí của tổ dân cư từ hệ số 0,5 lên 1 lần mức lương cơ sở: 435.120.000 đồng; bổ sung tăng chi tiếp khách 100.000.000 đồng của Thường trực HĐND và UBND huyện; tăng kinh phí hoạt động Thường trực 300.000.000 đồng đảm bảo mặt bằng dự toán; tăng tiền đồng phục, công chức bộ phận một cửa (tăng từ 06 người lên 7 người) 7.800.000 đồng,.....*

2. <u>PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH</u>:

Kinh phí không thực hiện tự chủ:

- Tổng kết phân giao chỉ tiêu kế hoạch KT-XH và Dự toán ngân sách năm: 70.000.000 đồng.

- Thực hiện xây dựng chỉ tiêu kế hoạch KT-XH và Dự toán ngân sách năm: 80.000.000 đồng.

- Thực hiện báo cáo chỉ tiêu kế hoạch KT- XH và Dự toán ngân sách năm: 50.000.000 đồng.

- Chi làm việc với UBND tỉnh và các Sở, ngành: 50.000.000 đồng.

- Chi hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể: 26.000.000 đồng.

- Chi đoàn kiểm tra liên ngành về kiểm tra niêm yết giá, gian lận thương mại, hàng gian, hàng giả; kiểm tra công tác tài chính, kế toán, thực hành tiết kiệm trong chi thường xuyên: 50.000.000 đồng.

- Chi công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (do thực hiện Luật phí, lệ phí nguồn thu nộp 100% vào ngân sách): 8.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ cho cán bộ giá thị trường theo Công văn số 12575/BTC-QLG ngày 19/9/2017 của Bộ Tài chính, mức chi theo Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011 của Bộ Tài chính): 3.600.000 đồng (300.000 đồng/tháng/người).

- Chi đường truyền mạng TABMIS, văn phòng phẩm, sửa chữa máy TABMIS (phần mềm QLNN, nhập và phân bổ dự toán cho các cơ quan, đơn vị): 20.612.000 đồng.

- Hỗ trợ tiền văn phòng phẩm (đơn vị gửi báo cáo qua eGovernment, in báo cáo để tổng hợp): 15.000.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 so với năm 2018 tăng nội dung kinh phí đoàn kiểm tra công tác tài chính, kế toán, thực hành tiết kiệm trong chi thường xuyên: 30.000.000 đồng; tăng hỗ trợ văn phòng phẩm in báo cáo phục vụ công việc tổng hợp tham mưu: 15.000.000 đồng; nguồn thu cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nộp ngân sách.*

3. PHÒNG NỘI VỤ – LĐTB VÀ XÃ HỘI:

3.1. Kinh phí không thực hiện tự chủ:

- Chi hỗ trợ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em khu dân cư: 50.040.000 đồng.

- Chi thực hiện nhiệm vụ CCHC: 106.000.000 đồng.

- Chi hoạt động Ban vì sự tiến bộ phụ nữ: 46.750.000 đồng.

- Điều tra hộ nghèo, cận nghèo,…: 27.000.000 đồng.

- Các cuộc điều tra người cao tuổi, nguồn cung cấp lao động: 17.000.000 đồng, kiểm tra vệ sinh an toàn lao động: 6.000.000 đồng.

- Chương trình phát triển thanh niên: 25.000.000 đồng.

- Kinh phí tổ chức diễn đàn trẻ em: 21.000.000 đồng.

- Kinh phí hoạt động người cao tuổi: 20.670.000 đồng.

- Kinh phí tuyển dụng công chức, viên chức: 54.000.000 đồng.

** Dự toán chi không thường xuyên năm 2019 so với năm 2018 tăng 54.000.000 đồng kinh phí tuyển dụng công chức, viên chức (thẩm định theo thực tế khi thực hiện); nguồn thu từ phí tuyển dụng công chức, viên chức nộp ngân sách; tăng 6.000.000 đồng kinh phí thực hiện CCHC, kinh phí khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công; giảm kinh phí bầu cử khu dân cư 284.000.000 đồng do đã thực hiện năm 2018.*

3.2. Chi đảm bảo xã hội:

- Phí chi trả lương cho đối tượng BTXH (thanh toán cho Bưu điện do đơn vị này thực hiện chi trả): 7.150.200 đồng.

- Chi hỗ trợ công chức làm công tác mại dâm theo Nghị Quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh: 10.008.000 đồng.

- Chi trả chế độ hàng tháng cho cán bộ xã già yếu, trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, mua thẻ BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội, cựu chiến binh: 664.136.700 đồng (tăng 16 đối tượng bảo trợ xã hội với số tiền 102.000.000 đồng, tăng lương theo mức lương 1.300.000 đồng).

- Chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho cư dân trên đảo, học sinh, sinh viên: 3.614.133.600 đồng (bao gồm tăng lương cơ sở, 4.664 đối tượng).

- Chi miễn, giảm học phí cho sinh viên: 1.480.280.000 đồng (gồm đại học 122 sinh viên, cao đẳng: 35 sinh viên, trung cấp 13 sinh viên).

- Chi tiền điện hộ nghèo, hộ đảm bảo xã hội: 36.190.836 đồng (59 đối tượng).

- Chi ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết trung thu: 684.800.000 đồng 3.000 cháu).

- Chi đội 178: 150.000.000 đồng.

- Chi mai táng phí, chuyển đối tượng sống lang thang vào Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, hỗ trợ ngư dân bị bỏ lại trở về nguyên quán: 174.426.000 đồng.

- Chi thăm hỏi các ngày Lễ, Tết: 491.672.000 đồng.

- Chi trợ cấp Tết đối tượng hưu trí, mất sức, chính sách: 198.000.000 đồng (198 đối tượng).

** Dự toán chi đảm bảo xã hội năm 2019 so với năm 2018 tăng 813.252.508 đồng (kinh phí chi trả các đối tượng bảo trợ xã hội tăng theo mức lương cơ sở; tăng chi mai táng phí cho đối tượng vô danh, tăng số đối tượng hưởng các chế độ nêu trên).*

3.3. Chi đào tạo, bồi dưỡng: 1.200.000.000 đồng.

Trong đó, chi đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức dự kiến mở 05 lớp, kinh phí còn lại chi trả chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3.4. Chi thi đua, khen thưởng: chi khen thưởng các danh hiệu thi đua trong năm của Hội đồng thi đua khen thưởng huyện: 1.165.000.000 đồng, do tăng lương cơ sở 1.390.000 đồng.

4. <u>PHÒNG Y TẾ</u> :

Kinh phí không thực hiện tự chủ

- Chi khám tuyển nghĩa vụ quân sự: 19.600.000 đồng.

- Chi diệt lăng quăng (02 đợt): 31.000.000 đồng.

- Chi xét gia đình sức khỏe: 5.000.000 đồng.

- Kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt, nước ăn uống: 30.000.000 đồng.

- Chi công tác xác định mức độ khuyết tật: 6.500.000 đồng.

- Chi phòng chống sốt xuất huyết: 60.000.000 đồng.

- Chi công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, giấy xác nhận kiến thức ATTP: 15.000.000 đồng.

- Chi cấp giấy chứng nhận gia đình sức khỏe (03 năm liền kề): 28.770.000 đồng.

** Dự toán chi không thường xuyên năm 2019 so với năm 2018 tăng 28.770.000 đồng kinh phí thẩm định và cấp giấy chứng nhận gia đình sức khỏe; nguồn thu phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đề nghị đơn vị nộp ngân sách 100% theo quy định Luật phí, lệ phí..*

5. <u>PHÒNG KINH TẾ</u>:

Kinh phí không thực hiện tự chủ

- Chi làm việc Sở, ngành: 40.000.000 đồng.

- Kinh phí hoạt động BCH PCTT&TKCN năm 2019 (bao gồm công tác trực bão, ATNĐ,..): 94.000.000 đồng.

- Nội dung mới phát sinh năm 2019 (kinh phí thực hiện đề án kinh tế hộ theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 29/3/2018 của HĐND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bố trí vốn SNKT: 4.200.000.000 đồng; kinh phí tuần tra, kiểm tra các phao (giao an toàn tỉnh không, phao ranh giới Vịnh Côn Sơn, phao cấm tàu cá neo đậu, phao luồng đường thủy nội địa định kỳ; kiểm tra cấm tàu cá neo đậu

theo Quyết định 61 của UBND tỉnh), kiểm tra công tác an toàn giao thông đường thủy: 284.000.000 đồng, bố trí vốn sự nghiệp kinh tế.

6. PHÒNG VĂN HOÁ – THÔNG TIN:

Kinh phí không thực hiện tự chủ

- Chi hoạt động trang Website cải cách hành chính: 153.000.000 đồng.

- Chi ngày gia đình Việt Nam, gia đình hạnh phúc, phòng chống bạo lực gia đình: 45.000.000 đồng (1).

- Chi hoạt động của Ban Chỉ đạo phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa: 24.400.000 đồng.

- Chi mua VPP khu dân cư: 16.300.000 đồng; bảo trì máy tính KDC: 10.000.000 đồng.

- Chi công nhận các danh hiệu Văn hóa: 22.000.000 đồng.

- Chi họp mặt doanh nghiệp đầu năm: 15.000.000 đồng

** Dự toán chi không thường xuyên năm 2019 so với năm 2018 tăng nội dung phòng chống bạo lực gia đình, đề nghị đơn vị cân đối các hoạt động có liên quan để triển khai thực hiện cho phù hợp tại mục 1, kinh phí tăng 5.000.00 đồng; tăng kinh phí họp mặt doanh nghiệp đầu năm: 15.000.000 đồng.*

7. PHÒNG TƯ PHÁP:

Kinh phí không thực hiện tự chủ

- Chi sách báo tuyên truyền pháp luật cho tủ sách các khu dân cư: 15.000.000 đồng.

- Chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật: 130.000.000 đồng.

- Chi công tác chứng thực: 10.000.000 đồng.

- Chi thẩm định văn bản quy phạm pháp luật: 10.000.000 đồng.

8. PHÒNG GIÁO DỤC:

8.1. Kinh phí không thực hiện tự chủ

- Chi khen thưởng, tổng kết năm học, chi tổ chức ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11: 50.000.000 đồng.

- Chi triển khai đề án xây dựng xã hội học tập: 21.870.000 đồng.

- Triển khai kế hoạch thực hiện nhân rộng mô hình học tập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020: 8.130.000 đồng.

- Chi đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho thanh thiếu niên giai đoạn 2017 – 2020; đề án xây dựng phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu bền vững giai đoạn mới; Chương trình giáo dục đời sống gia đình đến năm 2020 (gọi tắt là kinh phí thực hiện 03 đề án): 15.000.000 đồng.

8.2. Chi đảm bảo xã hội:

- Chi hỗ trợ nhiên liệu học kỳ II năm học 2018 – 2019 và học kỳ I năm học 2019-2020 cho các gia đình ở Khu 1 (Cỏ Ống) và Khu 10 (Bến Đầm) có con em đi học ở thị trấn Côn Đảo: 229.500.000 đồng.

- Chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh các cấp và Trung tâm giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp: 1.898.100.000 đồng (2.109 đối tượng).

9. PHÒNG TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG:

*** Kinh phí sự nghiệp môi trường: 288.000.000 đồng.**

- Chi lương hợp đồng: 82.000.000 đồng.

- Chi quan trắc môi trường (Chi lấy mẫu, tập huấn, mua dụng cụ…..): 136.000.000 đồng.

- Chi ngày môi trường thế giới, tuần lễ nước sạch: 20.000.000 đồng.

- Chi in ấn phẩm tuyên truyền (Chi pano, tờ rơi): 50.000.000 đồng.

Chi sự nghiệp môi trường được bố trí trong vốn sự nghiệp kinh tế.

*** Kinh phí Đội trật tự đô thị:** 909.938.000 đồng, trong đó kinh phí hoạt động của Đội: 312.000.000 đồng.

10. THANH TRA

Kinh phí không thực hiện tự chủ

- Chi tiếp công dân: 4.200.000 đồng.

- Chi mua đồng phục, trang phục ngành: 15.000.000 đồng.

- Chi đoàn kiểm tra, thanh tra: 19.000.000 đồng.

** Dự toán chi không thường xuyên năm 2019 so với năm 2018 của Thanh tra huyện tăng 19.000.000 đồng, kinh phí đoàn kiểm tra, thanh tra tại các cơ quan, đơn vị.*

11.. ĐỘI BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN:

*** Kinh phí thường xuyên đã bao gồm:**

- Chi phụ cấp đi biển: 48.400.000 đồng.

- Chi phụ cấp thu hút cho thuyền trưởng, thuyền viên: 28.800.000 đồng.

- Chi mua bảo hiểm tàu, thuyền viên.

*** Kinh phí không thực hiện tự chủ**

- Chi phí nhiên liệu tuần tra 30giờ/tháng; 01 tháng hoạt động 5 ngày; (3.180 lít/tháng x 11 tháng) + (3000 lít) đưa tàu về sửa chữa định kỳ; Nhớt (37.980 lít dầu x 3%); 660 lít xăng: 631.325.400 đồng.

* Chi vệ sinh hồ An Hải: 300.000.000 đồng (nguồn sự nghiệp môi trường).

Chi sự nghiệp môi trường năm 2019 tăng do tăng khối lượng công việc vệ sinh hồ An Hải, chi sự nghiệp môi trường được bố trí trong vốn sự nghiệp kinh tế.

12. VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY:

*** Kinh phí không thực hiện tự chủ:**

Đã bao gồm kinh phí chi hoạt động phục vụ cấp ủy (34 người, theo số người thực tế): 85.902.000 đồng.

*** Kinh phí không thực hiện tự chủ:**

- Chi thực hiện nhiệm vụ chung: 3.686.000.000 đồng (97 triệu đồng/bc), trong đó chi hoạt động phục vụ cấp ủy: 74.778.000 đồng (lương 1,21 tr.đ) đã tính

vào kinh phí khoán, mục tiền lương. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chung còn lại là 3.611.222.000 đồng, gồm:

+ Chi phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ của huyện: 10.008.000 đồng.

+ Chi quân trang, cơ yếu, chế độ mật: 37.000.000 đồng.

+ Chi đảm bảo phục vụ hoạt động của cấp ủy cấp huyện theo Quy định số 19-QĐ/TU ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy: 339.000.000 đồng.

+ Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn công tác Tôn giáo, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 211.060.000 đồng.

+ Chi khen thưởng cơ sở Đảng: 20.850.000 đồng.

+ Chi phụ cấp báo cáo viên: 33.360.000 đồng.

+ Chi hoạt động các cơ sở Đảng, bao gồm chi phụ cấp cấp ủy và phụ cấp huyện ủy viên (cơ sở Đảng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện, cơ sở Đảng khu dân cư; trừ Ban Quản lý cảng Bến Đầm; Công trình công cộng; Trạm cung cấp nước; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2889/STC-TCHCSN ngày 25/8/2017 của Sở Tài chính): 1.446.028.944 đồng.

+ Chi nhiên liệu, công tác phí, tiếp khách và các hoạt động của Thường trực: 1.513.915.056 đồng.

- Chi hoạt động dân vận, cốt cán, hoạt động ban chỉ đạo quy chế dân chủ, phụ cấp bí thư, phó bí thư chi bộ khu dân, chi trợ cấp tết, bí thư phó bí thư chi bộ khu dân cư, và bổ sung chi hoạt động của Thường trực để đảm bảo mặt bằng dự toán: 1.593.280.800 đồng. bao gồm:

+ Chi hoạt động tổ dân vận: 125.100.000 đồng.

+ Chi phụ cấp Bí thư, Phó bí thư chi bộ khu dân cư: 246.196.800 đồng.

+ Chi cộng tác viên dư luận xã hội: 46.704.000 đồng.

+ Trợ cấp tết Bí thư, phó bí thư chi bộ khu dân cư (04 người): 4.000.000 đồng.

+ Chi hoạt động cốt cán của Ban dân vận cấp huyện: 40.000.000 đồng.

+ Chi hoạt động cốt cán của khu dân cư (cấp xã): 20.000.000 đồng.

+ Chi hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và hoạt động phối hợp: 85.195.000 đồng.

+ Bổ sung chi hoạt động của Thường trực để đảm bảo mặt bằng dự toán như đã bố trí trong dự toán: 786.085.000 đồng (trong đó kinh phí hoạt động của Thường trực tăng thêm năm 2019 là 300.000.000 đồng).

+ Kinh phí sửa chữa xe, mua bảo hiểm xe: 120.000.000 đồng (03 xe).

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động chi trả phục vụ phát sinh: 120.000.000 đồng.

** Dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2019 giảm tờ tin Côn Đảo, chi khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ thuộc Ban BVCSSKCB, kinh phí giảm 619.876.000 đồng; tăng kinh phí hoạt động thuê phục vụ: 120.000.000 đồng, kinh phí hoạt động của Thường trực 300.000.000 đồng; các chế độ chính sách như cho theo Quy định 19, tăng lương cơ sở, tăng 3 biên chế do sáp nhập Trung tâm*

Bồi dưỡng chính trị về Ban Tuyên giáo, kinh phí đặc thù tăng 291.000.000 đồng; tăng kinh phí hoạt động 01 chi bộ Trường Lê Hồng Phong.

*** Chi đào tạo, bồi dưỡng**: 194.000.000 đồng (Ban Tuyên giáo, chuyển nhiệm vụ khi sáp nhập Trung tâm Bồi dưỡng chính trị về Văn phòng Huyện ủy).

13. <u>UB MẶT TRẬN TỔ QUỐC:</u>

*** Kinh phí không thực hiện tự chủ:**

- Chi phụ cấp Ban công tác mặt trận cơ sở (trưởng ban và phó ban): 450.360.000 đồng.
- Chi cán bộ cốt cán: 10.000.000 đồng.
- Chi phụ cấp sinh hoạt cho UVUBMT: 17.280.000 đồng.
- Chi trợ cấp Tết Ban công tác mặt trận cơ sở (14 người): 14.000.000 đồng.
- Kinh phí cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư": 50.000.000 đồng.
- Chi hỗ trợ khu dân cư tổ chức ngày MTTQ 18/11: 70.000.000 đồng.
- Hỗ trợ hoạt động Ban thanh tra nhân dân (10 khu dân cư): 50.000.000 đồng/10 ban.
- Ban công tác mặt trận cơ sở (10 khu dân cư): 50.000.000 đồng.
- Chi thăm, tặng quà các lực lượng vũ trang nhân ngày lễ, Tết: 30.000.000 đồng.
- Chi giám sát, phản biện: 20.000.000 đồng.
- Hỗ trợ mô hình dân vận khéo cho khu dân cư: 20.000.000 đồng (10 khu).
- Hỗ trợ kinh phí hoạt động thuê dịch vụ phục vụ chung khối đoàn thể: 57.600.000 đồng.
- Kinh phí tổ chức Đại hội năm 2019: 300.000.000 đồng.
- Hỗ trợ điện, nước phục vụ chung khối Đoàn thể (hành lang, Hội trường, nhà vệ sinh): 8.000.000 đồng.
- Kinh phí chi hỗ trợ cho Ban công tác Mặt trận cơ sở khu dân cư thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh (Theo Công văn số 2114/MTTQVN-BTT ngày 22//8/2018 của UBMTTQ Việt Nam tỉnh): 60.000.000 đồng/10 ban, đề nghị đơn vị căn cứ tình hình thực tế số lượng dân số từng khu dân cư để cho hỗ trợ theo quy định.

*** Chi thi đua, khen thưởng**: 44.000.000 đồng.

** Dự toán chi năm 2019 so với dự toán năm 2018 tăng lương phụ cấp Ban công tác mặt trận cơ sở và chi khen thưởng theo mức lương 1,39 triệu đồng; tăng hỗ trợ cho Ban công tác Mặt trận cơ sở khu dân cư thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh 60.000.000 đồng; tăng chi tổ chức Đại hội năm 2019: 300.000.000 đồng; hỗ trợ tiền điện, nước phục vụ chung Hội trường, hành lang, nhà vệ sinh khối đoàn thể: 8.000.000 đồng.*

14. <u>HUYỆN ĐOÀN</u> :

*** Kinh phí không thực hiện tự chủ**

- Chi phụ cấp cơ sở (bí thư và phó bí thư): 268.548.000 đồng.

- Chi trợ cấp tết cho Bí thư, Phó bí thư chi đoàn khu dân cư (14 người): 14.000.000 đồng.

- Chi mua báo thanh niên cho cơ sở: 12.000.000 đồng.

- Chi cán bộ cốt cán: 10.000.000 đồng.

- Các hoạt động hè, hoạt động ngày 26/3: 66.650.000 đồng.

- Chi hỗ trợ VPP cho các tổ chức cơ sở: 7 cơ sở (KDC) x 800.000/năm = 5.600.000 đồng.

- Chi bồi dưỡng phụ trách hướng dẫn sinh hoạt đội sao Nhi đồng: 12.000.000 đồng.

- Chi giám sát, phản biện: 4.680.000 đồng.

- Hội nghị triển khai Nghị quyết Đại hội Đoàn: 15.600.000 đồng.

- Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ: 10.275.000 đồng.

*** Chi thi đua, khen thưởng**: 84.607.000 đồng.

** Dự toán chi năm 2019 so với dự toán năm 2018 tăng 4.680.000 đồng chi giám sát, phản biện; tăng lương cơ sở phụ cấp Bí thư, phó bí thư chi đoàn theo mức lương 1,39 triệu đồng; tăng nhiệm vụ phát sinh năm 2019 inh phí triển khai Nghị quyết Đại hội Đoàn, hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ 20.280.000 đồng; giảm nội dung chi trả tiền cước internet, bảo trì, sửa chữa máy vi tính phục vụ cho vườn ươm theo đề nghị của đơn vị, kinh phí giảm 20.000.000 đồng.*

15. <u>HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ</u>:

*** Kinh phí không thực hiện tự chủ**

- Chi phụ cấp chi hội phụ nữ ở khu dân cư (Chi hội trưởng, chi hội phó): 512.076.000 đồng.

- Chi trợ cấp tết chi Chi hội trưởng, Chi hội phó chi hội phụ nữ khu dân cư (22 người): 22.000.000 đồng.

- Chi hoạt động các ngày lễ 8/3, 20/10, hoạt động dã ngoại: 99.000.000 đồng.

- Chi cán bộ cốt cán: 10.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ VPP cho các tổ chức cơ sở: 10 cơ sở (KDC) x 800.000 đồng/năm: 8.000.000 đồng.

- Chi hoạt động giám sát, phản biện: 6.000.000 đồng.

- Chi tiếp các đoàn tài trợ (tài trợ xây nhà tình nghĩa, tình thương,..), thăm lực lượng vũ trang: 31.000.000 đồng.

- Chi sơ kết giữa nhiệm kỳ Đại hội đại biểu huyện Côn Đảo lần thứ X nhiệm kỳ 2016 - 2021: 23.300.000 đồng (nội dung này đã bố trí dự toán 2018, do năm 2018 đơn vị chưa thực hiện và đề nghị bố trí lại dự toán).

- Chi tổ chức Hội thi văn hóa ẩm thực năm 2019: 125.600.000 đồng.

*** Chi thi đua, khen thưởng**: 67.068.000 đồng.

** Dự toán chi năm 2019 so với dự toán năm 2018 do tăng lương cơ sở phụ cấp chi hội trưởng, chi hội phó khu dân cư theo mức lương 1,39 triệu đồng; tăng hỗ trợ tổ chức hoạt động dã ngoại:19.600.000 đồng.*

16. HỘI NÔNG DÂN:

*** Kinh phí không thực hiện tự chủ**

- Chi phụ cấp chi hội trưởng, chi hội phó hội nông dân khu dân cư: 445.356.000 đồng.

- Chi trợ cấp tết chi hội trưởng, chi hội phó chi hội nông dân khu dân cư: 21.000.000 đồng.

- Chi cán bộ cốt cán: 10.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ văn phòng phẩm cho các tổ chức cơ sở: 9 cơ sở (KDC) x 800.000 đồng/năm: 7.200.000 đồng.

- Chi công tác giám sát, phản biện: 6.020.000 đồng.

- Chi Hội nghị tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Hội Nông dân các cấp: 13.400.000 đồng.

*** Chi thi đua, khen thưởng**: 69.176.000 đồng.

** Dự toán chi năm 2019 so với dự toán năm 2018 tăng 13.400.000 đồng kinh phí tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Hội nông dân các cấp; tăng lương cơ sở phụ cấp chi hội trưởng, chi hội phó khu dân cư theo mức lương 1,39 triệu đồng; giảm 252.586.000 đồng kinh phí chi tổ chức Đại hội cấp cơ sở, Đại hội Hội Nông dân cấp huyện và tham gia Đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh.*

17. HỘI CỰU CHIẾN BINH:

*** Kinh phí không thực hiện tự chủ**

- Chi phụ cấp chi hội trưởng, chi hội phó chi hội cựu chiến binh khu dân cư: 495.396.000 đồng; chi phụ cấp chủ tịch, phó tịch cơ quan, đơn vị: 72.760.200 đồng.

- Chi trợ cấp tết chi hội trưởng, chi hội phó chi hội cựu chiến binh (18 người): 18.000.000 đồng.

- Chi cán bộ cốt cán: 10.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ VPP cho các tổ chức cơ sở: 9 cơ sở (KDC) x 800.000 đồng/năm: 7.200.000 đồng.

- Chi công tác giám sát, phản biện theo quyết định 217, 218 của Bộ Chính trị: 6.560.000 đồng.

*** Chi thi đua, khen thưởng**: 52.644.000 đồng.

** Dự toán chi năm 2019 so với dự toán năm 2018 tăng lương cơ sở phụ cấp chi hội trưởng, chi hội phó hội cựu chiến binh khu dân cư theo mức lương 1,39 triệu đồng; chi phụ cấp chủ tịch, phó chủ tịch Hội cựu chiến binh cơ quan, đơn vị; dự toán năm 2019 giảm nội dung chi tuyên truyền Nghị quyết Đại hội 14.100.000 đồng do đã thực hiện xong nhiệm vụ năm 2018.*

18. HỘI CHỮ THẬP ĐỎ:

- Kinh phí cho Hội đặc thù cấp huyện: 115.000.000 đồng/hội/năm.

- Hỗ trợ tiền lương, trợ cấp tết 01 hợp đồng Hội: 112.213.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết công tác hiến máu tình nguyện; chi công tác hiến máu tình nguyện và các hoạt động tuyên truyền, chi tổ chức lớp tập huấn Sơ cấp cứu, chi các đoàn khám chữa bệnh: 86.750.000 đồng.

19. HỘI LUẬT GIA

- Kinh phí cho Hội đặc thù cấp huyện: 115.000.000 đồng/hội/năm.

- Chi trả chế độ phụ cấp chức danh lãnh đạo: 53.376.000 đồng (hs 3,2 x 12 tháng x 1.390.000 đồng).

20. HỘI KHUYẾN HỌC:

- Kinh phí cho Hội đặc thù cấp huyện: 115.000.000 đồng/hội/năm.

- Chi trả phụ cấp chức danh lãnh đạo hội: 45.036.000 đồng (hs 2,7 x 12 tháng x 1.390.000 đồng).

21. BAN ĐẠI DIỆN HỘI NGƯỜI CAO TUỔI:

- Chi phụ cấp chi hội trưởng, chi hội phó chi hội người cao tuổi khu dân cư: 66.720.000 đồng.

- Chi trợ cấp tết chi hội trưởng, chi hội phó (12 người): 12.000.000 đồng.

- Kinh phí cho Hội đặc thù cấp huyện: 115.000.000 đồng/hội/năm.

- Chi trả phụ cấp chức danh lãnh đạo hội: 53.376.000 đồng (hs 3,2 x 12 tháng x 1.390.000 đồng).

- Hỗ trợ kinh phí chi tổ chức họp mặt chúc tết người cao tuổi; họp mặt truyền thống người cao tuổi; hoạt động ngày Quốc tế người cao tuổi: 150.000.000 đồng.

- Chi ngày 01/10 cho các cụ tuổi tròn: 16.500.000 đồng (31 cụ mức chi 500.000 đồng/cụ; 01 cụ mức chi 1.000.000 đồng/cụ).

22. HỘI NGƯỜI TÙ KHÁNG CHIẾN

- Kinh phí cho Hội đặc thù cấp huyện: 115.000.000 đồng/hội/năm.

- Chi trả phụ cấp chức danh lãnh đạo hội: 53.376.000 đồng (hs 3,2 x 12 tháng x 1.390.000 đồng).

23. CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo thi hành án, trong đó:

- Chi hỗ trợ BCĐ, báo cáo viên, những người không hưởng lương (khu trưởng và công an viên khu dân cư): 51.960.000 đồng.

- Chi hỗ trợ công tác phí, văn phòng phẩm, hội nghị, hội thảo, tập huấn, tổng kết,..: 54.040.000 đồng.

24. TRUNG TÂM Y TẾ QUÂN DÂN Y

- Chi cộng tác viên chương trình suy dinh dưỡng và nhân viên y tế khu dân cư: 95.552.000 đồng.

25. BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO (Hạt Kiểm Lâm)

- Chi thực hiện kế hoạch tuần tra liên ngành đầu xuân: 32.280.000 đồng.

26. TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT:

*** Chi thường xuyên**

- Bổ sung kinh phí hoạt động để đảm bảo mặt bằng dự toán: 24.400.000 đồng.

- Kinh phí hoạt động tính theo định mức: 39.520.000 đồng x 5bc = 197.600.000 đồng.

*** Chi không thường xuyên**

- Hỗ trợ thêm kinh phí văn phòng phẩm, nhiên liệu, công tác phí phục vụ BTGPMB: 40.000.000 đồng.

Nguồn thu được để lại của đơn vị (không bao gồm kinh phí hoạt động của Hội đồng bồi thường) , đề nghị nộp vào ngân sách huyện do ngân sách đã bảo kinh phí hoạt động. Đồng thời, đề nghị đơn vị rà soát đề xuất loại hình thực hiện tự chủ cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

27. BAN QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA CÔN ĐẢO

*** Chi thường xuyên**

- Đã bao gồm kinh phí chi trợ cấp cứu hộ: 42.000.000 đồng.

- Chi sửa chữa thường xuyên xe, chi đặt báo niên giám du lịch, chi bảo hiểm, đăng kiểm xe, ca nô.

*** Chi không thường thường xuyên**

- Chi sửa chữa thường xuyên ca nô: 30.000.000 đồng.

- Chi nhiên liệu canô, ôtô: 430.000.000 đồng, đơn vị tự cân đối để sử dụng trong năm (nội dung này đã tăng năm 2018: 80 triệu đồng so với dự toán năm 2017).

- Kinh phí thực hiện các nội dung theo Chương trình số 191/CTr-UBND ngày 04/10/2018 của UBND huyện (các nội dung xúc tiến, quảng bá du lịch như hoạt động, duy trì website condao.com.vn, tham gia hội chợ triển lãm du lịch, tổ chức giới thiệu quảng bá, tuyên truyền, thiết kế các ấn phẩm.....): 500.000.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 tăng 289.000.000 đồng, kinh phí để đơn vị cân đối và chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện việc quảng bá du lịch, xúc tiến du lịch trên địa bàn huyện.*

28. TRẠM THÚ Y BẢO VỆ THỰC VẬT:

Chi không thường thường xuyên

- Chi hoạt động chốt kiểm dịch gồm tiền điện, nước, văn phòng phẩm, ….: 30.000.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động (dịch vụ bảo vệ chốt kiểm dịch): 63.000.000 đồng.

- Chi phòng chống dịch: 126.200.000 đồng (phân tích dư lượng thuốc: 15.000.000 đồng, tiêm phòng 43.000.000 đồng, phun thuốc: 40.000.000 đồng, bắt chó chạy rong: 28.200.000 đồng).

- Chi hoạt động kiểm soát giết mổ: 15.960.000 đồng.

** Nguồn thu từ phí kiểm soát giết mổ đề nghị đơn vị nộp ngân sách 100% theo quy định Luật phí, lệ phí và các văn bản liên quan.*

29. BAN QUẢN LÝ CHỢ

Chi không thường xuyên

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động phục vụ tại chợ (sau khi trừ nguồn thu được để lại): 211.000.000 đồng.

- Chi đảm bảo ANTT, an toàn giao thông trong dịp tết: 5.000.000 đồng.

Nguồn thu, chi từ dịch vụ chợ

Nguồn thu từ diện tích chỗ ngồi cố định và không cố định, nguồn thu đổ rác năm 2019 dự kiến 327.000.000 đồng, đề nghị đơn vị lập phương án sử dụng cho hoạt động dịch vụ tại chợ. Đề nghị đơn vị tăng cường công tác thu, phấn đấu thu vượt dự toán được giao để dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương (40% số thu vượt).

30. BAN QUẢN LÝ CẢNG BẾN ĐẦM

*** Nguồn thu dịch vụ**

Để lại tại đơn vị để đảm bảo kinh phí hoạt động, số thu giao 10.706.000.000 đồng. Đề nghị đơn vị tăng cường công tác thu, phấn đấu thu vượt dự toán được giao để dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương (40% số thu vượt); đồng thời năm 2019 trường cảng Bến Đầm – Côn Đảo đưa vào sữa chữa, nâng cấp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, dịch vụ của đơn vị, đơn vị có báo cáo trình UBND huyện xem xét điều chỉnh số thu giao theo tình hình thực tế cho phù hợp.

*** Kinh phí không thường xuyên**

- Chi tiền trợ cấp Tết (112 người): 280.00.000 đồng.

31. TRẠM CUNG CẤP NƯỚC

*** Hoạt động sản xuất nước sạch**

Theo Tờ trình số 3959/TTr-STC ngày 07/11/2017 của Sở Tài chính, dự kiến áp dụng năm 2018 điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn huyện. Theo đó doanh thu năm 2019 là 11.132.485.100 đồng, nguồn thu để lại thực hiện theo quy định, đồng thời đề nghị đơn vị phấn đấu tăng thu để dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

32. TRUNG TÂM VĂN HÓA THÔNG TIN:

*** Kinh phí không thường xuyên**

- Chi điện phục vụ hội trường, sân vận động, các ngày lễ tết, hội thảo; chi tổ chức các hoạt động văn nghệ (26 tết nguyên đáng tại khu hoa xuân, giao thừa, các ngày lễ lớn trong tháng 4 và tháng 5, ngày 27/7, ngày 2/9; tổ chức các hoạt động TDTT vào các ngày lễ (03 đợt); chi phụ cấp cộng tác viên, bảo hiểm, đăng kiểm xe : *463.627.000 đồng.*

- Kinh phí hoạt động câu lạc bộ đờn ca tài tử: *24.000.000 đồng.*

*** Kinh phí 03 Trung tâm VHHTCĐ:**

Kinh phí hoạt động của Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng khu dân cư huyện Côn Đảo 160.000.000 đồng/ Trung tâm, tổng kinh phí bố trí 03 Trung tâm là 480.000.000 đồng (gồm kinh phí thuê khoán dịch vụ bảo vệ, kiêm nhiệm và các hoạt động trong năm của Trung tâm).

33.THƯ VIỆN:

Kinh phí không thường xuyên

- Chi diệt mối, mọt: 27.062.000 đồng.

- Chi giới thiệu mỗi tuần 01 quyển sách (48 lần/năm): 72.000.000 đồng.

- Kinh phí tổ chức Hội thi kể chuyện sách thiếu nhi tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: 145.980.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 giảm chi Vườn ươm tri thức (tiền điện, sửa chữa tài sản Vườn ươm do Thư viện quản lý): 10.000.000 đồng (theo ý kiến của Huyện Đoàn đề nghị trả về Trung ương Đoàn VNPT); tăng kinh phí tham dự Hội thi kể chuyện sách thiếu nhi tỉnh: 145.980.000 đồng.*

34. TRƯỜNG THCS VÀ THPT VÕ THỊ SÁU:

Kinh phí không thường xuyên

- Đã bao gồm phụ cấp thâm niên nhà giáo.
- Hỗ trợ kinh phí cho giáo viên tham dự các đợt tập huấn: 20.000.000 đồng.
- Hỗ trợ kinh phí hoạt động: 27.000.000 đồng.
- Hỗ trợ kinh phí tổ chức đoàn học sinh về đất liền tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh: 64.980.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 tăng hỗ trợ kinh phí hoạt động chi trả phục vụ dọn dẹp vệ sinh 27.000.000 đồng; hỗ trợ kinh phí tham dự kỳ thi học sinh giỏi 64.980.000 đồng; Nội dung chi trả tiền điện nhà thi đấu đa năng, tiền nước hồ bơi giảm do đến tháng 11/2018 đơn vị chưa giải ngân.*

*** Nguồn thu học phí**

Số thu dự kiến năm 2019 là 3.285.000 đồng, đề nghị đơn vị sử dụng 40% số thu để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2019. Số thu còn lại, đề nghị đơn vị lập phương án sử dụng có liên quan đến nội dung thu trình phê duyệt để có cơ sở thực hiện.

35. TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

- Đã bao gồm phụ cấp thâm niên nhà giáo.
- Hỗ trợ kinh phí hoạt động: 27.000.000 đồng.
- Hỗ trợ kinh phí tổ chức đoàn học sinh về đất liền tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh: 36.100.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 bố trí hỗ trợ kinh phí hoạt động chi trả phục vụ dọn dẹp vệ sinh 27.000.000 đồng; kinh phí tổ chức đoàn học sinh về đất liền tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh: 36.100.000 đồng.*

*** Nguồn thu học phí**

Số thu dự kiến năm 2019 là 3.420.000 đồng, đề nghị đơn vị sử dụng 40% số thu để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2019. Số thu còn lại, đề nghị đơn vị lập phương án sử dụng có liên quan đến nội dung thu trình phê duyệt để có cơ sở thực hiện.

36. TRƯỜNG TH CAO VĂN NGỌC:

- Đã bao gồm phụ cấp thâm niên nhà giáo.
- Hỗ trợ kinh phí hoạt động: 27.000.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 bố trí hỗ trợ kinh phí hoạt động chi trả phục vụ dọn dẹp vệ sinh 27.000.000 đồng.*

37. TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG:

- Kinh phí chi thường xuyên của Trường MN Hướng Dương: đã bao gồm kinh phí chi tiền ăn trưa cho giáo viên tham gia trực trưa. Dự toán năm 2019 tăng là do tăng hệ số lương 1,39 triệu đồng; đã bao gồm phụ cấp thâm niên nhà giáo.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động: 27.000.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 bố trí hỗ trợ kinh phí hoạt động chi trả phục vụ dọn dẹp vệ sinh 27.000.000 đồng.*

*** Nguồn thu học phí**

Số thu dự kiến năm 2019 là 70.200.000 đồng, đề nghị đơn vị sử dụng 40% số thu để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2019. Số thu còn lại, đề nghị đơn vị lập phương án sử dụng có liên quan đến nội dung thu trình phê duyệt để có cơ sở thực hiện.

38. TRƯỜNG MẦM NON TUỔI THƠ:

- Kinh phí chi thường xuyên của Trường MN Tuổi thơ: đã bao gồm kinh phí chi tiền ăn trưa cho giáo viên tham gia trực trưa. Dự toán năm 2019 tăng là do tăng hệ số lương 1,39 triệu đồng; đã bao gồm phụ cấp thâm niên nhà giáo.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động: 27.000.000 đồng.

** Dự toán năm 2019 bố trí hỗ trợ kinh phí hoạt động chi trả phục vụ dọn dẹp vệ sinh 27.000.000 đồng.*

*** Nguồn thu học phí**

Số thu dự kiến năm 2019 là 95.040.000 đồng, đề nghị đơn vị sử dụng 40% số thu để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2019. Số thu còn lại, đề nghị đơn vị lập phương án sử dụng có liên quan đến nội dung thu trình phê duyệt để có cơ sở thực hiện.

39. TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VÀ HƯỚNG NGHIỆP:

- Đã bao gồm kinh phí phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Nguồn thu của đơn vị

Số thu học phí (6.300.000 đồng), đề nghị đơn vị sử dụng 40% số thu nêu trên để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2019. Số thu còn lại đề nghị đơn vị lập phương án sử dụng có liên quan đến nội dung thu trình phê duyệt để có cơ sở thực hiện.

40. BAN QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Nguồn thu dịch vụ, thu sản xuất kinh doanh

Nguồn thu dịch vụ, sản xuất kinh doanh đơn vị để lại để chi hoạt động của đơn vị; Đề nghị đơn vị tăng cường công tác thu, phấn đấu thu vượt dự toán được giao để dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương (40% số thu vượt). Riêng số thu từ dịch vụ đổ rác đề nghị đơn vị căn cứ phương án giá dịch vụ đổ rác được UBND tỉnh phê duyệt xây dựng phương án thu và đề xuất sử dụng theo quy định.

Nguồn thu nhà chung cư công vụ

Nguồn thu cho thuê nhà công vụ (766.000.000 đồng/năm), đề nghị đơn vị quản lý và sử dụng theo quy định (phần còn lại sau khi trừ chi phí có liên quan đến công tác quản lý).

Kinh phí không thường xuyên

Chi mua công cụ, dụng cụ của tổ xử lý các xác vô danh: 23.847.500 đồng.

41. BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ

Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban chỉ huy quân sự: 4.430.000.000 đồng.

Nội dung chi: chi công tác GDQP; chi cho lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, chi xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên, chi công tác tuyển quân, chi công tác phúc tra DBĐV-DQTV, chi công tác đăng ký nghiệp vụ quân sự, công tác huấn luyện DQTV, các khoản phụ cấp huy động DQTV và các khoản chi khác DQTV, các khoản phụ cấp trách nhiệm CBCH DQTV khu dân cư; chi hỗ trợ phục vụ Quốc phòng địa phương, hỗ trợ tập huấn và học Quốc phòng địa phương, hỗ trợ thông tin liên lạc, sửa chữa kho tàng, vận chuyển, bảo quản vũ khí, trang thiết bị, bổ sung thao trường học tập và bắn đạn thật cho lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, hỗ trợ chi bồi dưỡng tuần tra đêm cho lực lượng Dân quân ở các khu dân cư; chi phụ cấp dân phòng khu dân cư; chi trang phục; chi hỗ trợ chất đốt; chi hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ huy Quân sự Thống nhất; chi tuần tra khảo sát hòn Anh – hòn Em; chi mua bảo hiểm xã hội cho khu đội trưởng; chi trợ cấp Tết khu đội trưởng, dân phòng khu dân cư; hậu phương quân đội (phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ huyện); chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khác, kinh phí sữa chữa nhà ăn tiếp khách tại Sở Chỉ huy.

42. CÔNG AN HUYỆN

Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho công an huyện: 2.631.424.000 đồng.

Nội dung chi gồm: chi tuyên truyền, giáo dục quần chúng bảo vệ ANTT; chi hỗ trợ thực hiện chiến dịch giữ gìn trật tự ở cơ sở; chi hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc ở cơ sở; chi phụ cấp cho Công an viên; chi phụ cấp đội trưởng, đội phó dân phòng 10 khu dân cư; chi mua sắm trang phục dân phòng 10 khu dân cư, các khoản chi hoạt động dân phòng theo quy định; chi bồi dưỡng làm việc ngoài giờ trong và ngoài lực lượng các ngày cao điểm (các ngày lễ, tết….); chi tập huấn nghiệp vụ Công an viên – Dân phòng 10 khu dân cư; chi mua bảo hiểm xã hội cho Công an viên; hỗ trợ xăng, dầu cho lực lượng tuần tra, kiểm soát theo kế hoạch của UBND huyện Côn Đảo giao; hỗ trợ xăng, tập huấn, tập dượt PCCC và bảo dưỡng phương tiện PCCC; hỗ trợ chất đốt; hỗ trợ cho Đội CC&TKCN; hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khác, chi phụ cấp công an viên khu dân cư, mua bảo hiểm xã hội cho công an viên, trợ cấp Tết cho công an viên, dân quân khu dân cư, chi ngày hội an ninh bảo vệ tổ quốc, ban khẩn nguy hàng không, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, chi phụ cấp công an viên, kinh phí sửa chữa nhà ăn khu tập thể Công an huyện.

43. ĐỒN BIÊN PHÒNG CÔN ĐẢO

Hỗ trợ kinh phí cho Đồn Biên phòng Côn Đảo: 1.185.576.000 đồng.

Kinh phí tuần theo theo nhiệm vụ được giao, kinh phi phí tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống BĐBP, hỗ trợ kinh phí sủa chữa Trạm Biên phòng Hòn Cau.

44. ỦY THÁC VỐN QUA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CÔN ĐẢO

Thực hiện Công văn số 7343/UBND-VP ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tín dụng chính sách xã hội. Đề nghị năm 2019, trình HĐND huyện ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội huyện: 200.000.000 đồng.

*** Ghi chú:**

- Đối với các nội dung chi đã có quy định về chế độ, định mức đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định.

- Đối với các nội dung chưa có quy định về mức chi, định mức, đề nghị đơn vị lập kế hoạch và dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện và chi theo chế độ, định mức hiện hành.

- Dự kiến nguồn chi khác bao gồm kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 còn thiếu so với dự toán UBND tỉnh giao số tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định (phần còn thiếu sau khi giao cho các cơ quan, đơn vị của huyện; nguyên nhân thiếu là do Sở Tài chính tính toán để giao cho huyện trên tổng dự toán thường xuyên năm 2019 được UBND tỉnh giao sau khi trừ các khoản chi cho con người, các khoản mang tính chất lương). Đối với ngân sách cấp huyện, trên cơ sở dự toán được giao, UBND huyện trình HĐND phân bổ lại các nhiệm vụ chi cho phù hợp tình hình thực tế tại địa phương, trong đó bố trí kinh phí cho các công trình vốn sự nghiệp kinh tế và một số các nhiệm vụ chi thường xuyên khác không tính tiết kiệm chi thường xuyên, do đó nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương sẽ thiếu so số được giao. Vì vậy, UBND huyện đề xuất sử dụng từ nguồn chi khác ngân sách nêu thiếu sau khi tính toán giao cho các cơ quan, đơn vị.

- Mức lương được UBND tỉnh bố trí chi cho con người trong dự toán theo định mức là 1.210.000 đồng, UBND huyện bố trí cho các cơ quan, đơn vị theo mức lương 1.390.000 đồng để các cơ quan đơn vị chủ động ngày từ đầu năm và có nguồn để chi trả cho người lao động theo quy định. Do đó, sau khi tính toán, tổng hợp nguồn và nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách hàng năm theo đề nghị của Sở Tài chính và được Sở Tài chính thẩm định, UBND huyện sẽ bổ sung số chênh lệch (từ mức 1.210.000 đồng lên 1.390.000 đồng vào nguồn chi khác ngân sách huyện).

Biểu số 03

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 399 /BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của UBND huyện)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Biên chế, HĐ	Tổng cộng	Kinh phí hoạt động		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (đối với chi QLHC); chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ (đối với chi QLHC); chi không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)
				Trong định mức	Ngoài định mức		
1	2	3	4= 7+8	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG		**403.847.000.000**	**264.332.489.268**	**139.514.510.732**	**100.898.614.900**	**302.948.385.100**
I	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN** (chi tiết tại Biểu vốn XBCB phân cấp và Biểu MSSCTS)		**83.995.000.000**	**83.995.000.000**			**83.995.000.000**
II	**CHI THƯỜNG XUYÊN**	**442**	**237.606.000.000**	**173.905.489.268**	**63.700.510.732**	**100.898.614.900**	**136.707.385.100**
1	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	167	58.407.267.700	48.962.007.800	9.445.259.900	37.464.158.500	20.943.109.200
	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	109	33.967.149.900	27.822.671.700	6.144.478.200	23.012.851.700	10.954.298.200
1.1	**Văn phòng HĐND và UBND**	34	**15.179.205.800**	**12.548.433.000**	**2.630.772.800**	**7.426.613.000**	**7.752.592.800**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		7.480.425.000			5.710.613.000	1.769.812.000
1.2	**Phòng Tài chính - Kế hoạch**	10	**2.587.361.900**	**2.169.149.900**	**418.212.000**	**2.214.149.900**	**373.212.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		1.694.149.900			1.694.149.900	
1.3	**Phòng Nội vụ - LĐTB&XH**	11	**2.466.961.000**	**2.048.501.000**	**418.460.000**	**2.093.501.000**	**373.460.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		1.571.541.000			1.521.501.000	50.040.000
1.4	**Phòng Y tế**	3	**841.976.000**	**632.606.000**	**209.370.000**	**646.106.000**	**195.870.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		474.506.000			474.506.000	
1.5	**Phòng Kinh tế**	8	**1.850.594.300**	**1.680.594.300**	**170.000.000**	**1.716.594.300**	**134.000.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		1.279.794.300			1.279.794.300	
1.6	**Phòng VHTT**	6	**1.524.622.400**	**1.214.922.400**	**309.700.000**	**1.238.922.400**	**285.700.000**

	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		911.322.400			911.322.400	
1.7	**Phòng Tư pháp**	3	**846.879.000**	**672.879.000**	**174.000.000**	**681.879.000**	**165.000.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		510.279.000			510.279.000	
1.8	**Phòng Giáo dục - Đào tạo**	4	**983.775.700**	**870.775.700**	**113.000.000**	**888.775.700**	**95.000.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		659.975.700			659.975.700	
1.9	**Phòng Tài nguyên - Môi trường**	9	**2.600.680.700**	**1.659.242.700**	**941.438.000**	**1.690.742.700**	**909.938.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		1.797.280.700			1.199.342.700	597.938.000
1.10	**Thanh tra**	3	**698.631.200**	**646.931.200**	**51.700.000**	**660.431.200**	**38.200.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		488.831.200			488.831.200	
1.11	**Đội Bảo vệ nguồn lợi thủy sản**	18	**4.386.461.900**	**3.678.636.500**	**707.825.400**	**3.755.136.500**	**631.325.400**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		2.819.136.500			2.819.136.500	
	CƠ QUAN ĐẢNG	**38**	**14.714.979.200**	**13.614.477.200**	**1.100.502.000**	**9.510.476.400**	**5.204.502.800**
1.12	**Văn phòng Huyện ủy**	38	**14.714.979.200**	**13.614.477.200**	**1.100.502.000**	**9.510.476.400**	**5.204.502.800**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		7.653.845.200			7.192.476.400	461.368.800
	UBMTTQ, ĐOÀN THỂ, HỘI	**20**	**9.725.138.600**	**7.524.858.900**	**2.200.279.700**	**4.940.830.400**	**4.784.308.200**
1.13	**Uỷ ban MTTQ**	7	**3.143.375.600**	**2.359.495.600**	**783.880.000**	**1.936.135.600**	**1.207.240.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		2.004.295.600			1.553.935.600	450.360.000
1.14	**Huyện đoàn**	4	**1.260.881.500**	**1.096.576.500**	**164.305.000**	**841.528.500**	**419.353.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		881.276.500			612.728.500	268.548.000
1.15	**Hội Liên hiệp phụ nữ**	3	**1.690.894.000**	**1.352.494.000**	**338.400.000**	**853.918.000**	**836.976.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		1.194.394.000			682.318.000	512.076.000
1.16	**Hội Nông dân**	3	**1.310.056.600**	**1.238.936.600**	**71.120.000**	**807.080.600**	**502.976.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		1.080.836.600			635.480.600	445.356.000
1.17	**Hội Cựu chiến binh**	3	**1.112.083.900**	**902.356.200**	**209.727.700**	**502.167.700**	**609.916.200**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân					330.567.700	568.156.200
1.18	**Các Hội đặc thù**		**1.207.847.000**	**575.000.000**	**632.847.000**		**1.207.847.000**
	Hội chữ thập đỏ		313.963.000	115.000.000	198.963.000		313.963.000
	Hội khuyến học		160.036.000	115.000.000	45.036.000		160.036.000
	Hội Luật gia		168.376.000	115.000.000	53.376.000		168.376.000
	Ban đại diện người cao tuổi		397.096.000	115.000.000	282.096.000		397.096.000
	Hội người tù kháng chiến		168.376.000	115.000.000	53.376.000		168.376.000
2	**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	34	**8.088.427.000**	**0**	**8.088.427.000**	**6.333.419.500**	**1.755.007.500**
2.1	**Trung tâm phát triển quỹ đất**	5	**997.719.300**		**997.719.300**	**957.719.300**	**40.000.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		735.719.300			735.719.300	
2.2	**Ban quản lý Khu du lịch Quốc**	19	**4.216.191.900**		**4.216.191.900**	**3.256.191.900**	**960.000.000**

	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		2.505.311.900			2.505.311.900	
2.3	**Ban Quản lý chợ**	4	**989.363.300**		**989.363.300**	**773.363.300**	**216.000.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		627.763.300			627.763.300	
2.4	**Trạm thú y và Bảo vệ thực vật**	6	**1.581.305.000**		**1.581.305.000**	**1.346.145.000**	**235.160.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		1.060.145.000			1.060.145.000	
2.5	**Ban Quản lý cảng Bến Đầm**		**280.000.000**		**280.000.000**		**280.000.000**
2.6	**Ban Quản lý công trình công cộng**		**23.847.500**		**23.847.500**		**23.847.500**
3	**SỰ NGHIỆP VHTT-TT**	23	**4.990.821.300**	**1.784.357.312**	**3.206.463.988**	**3.778.152.300**	**1.212.669.000**
3.1	**Trung tâm VHTT-TT**	17	**3.664.699.600**	**725.777.612**	**2.938.921.988**	**2.697.072.600**	**967.627.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		2.025.232.600			2.025.232.600	
3.2	**Thư viện**	6	**1.326.121.700**	**1.058.579.700**	**267.542.000**	**1.081.079.700**	**245.042.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		782.079.700			782.079.700	
4	**SỰ NGHIỆP PTTH**	26	**4.727.684.000**	**3.513.207.944**	**1.214.476.056**	**4.727.684.000**	**0**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		3.700.164.000			3.700.164.000	
5	**SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC**	192	**39.615.680.600**	**38.884.348.600**	**731.332.000**	**39.339.200.600**	**276.480.000**
5.1	**Trường THPT Võ Thị Sáu - Côn Đảo**	28	**5.114.767.000**	**4.912.787.000**	**201.980.000**	**5.002.787.000**	**111.980.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		4.134.787.000			4.134.787.000	
5.2	**Trường THCS Lê Hồng Phong**	34	**6.263.747.000**	**6.074.647.000**	**189.100.000**	**6.200.647.000**	**63.100.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		5.163.647.000			5.163.647.000	
5.3	**Trường TH Cao Văn Ngọc**	45	**8.478.389.600**	**8.473.745.600**	**4.644.000**	**8.451.389.600**	**27.000.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		7.056.389.600			7.056.389.600	
5.4	**Trường MN Hướng Dương**	46	**7.593.281.300**	**7.363.781.300**	**229.500.000**	**7.566.281.300**	**27.000.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		5.956.281.300			5.956.281.300	
5.5	**Trường MN Tuổi Thơ**	58	**9.622.473.300**	**9.595.265.300**	**27.208.000**	**9.595.473.300**	**27.000.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		7.565.473.300			7.565.473.300	
5.6	**Trung tâm GDTX và HN**	15	**2.543.022.400**	**2.464.122.400**	**78.900.000**	**2.522.622.400**	**20.400.000**
	Trong đó: chi thanh toán cá nhân		2.042.622.400			2.042.622.400	
6	**CHI ĐÀO TẠO**		**1.394.000.000**	**270.670.212**	**1.123.329.788**	**0**	**1.394.000.000**
	Trong đó:						
6.1	Phòng Nội vụ - LĐTB&XH		1.200.000.000				1.200.000.000
6.2	Văn phòng Huyện ủy		194.000.000				194.000.000
7	**CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI**		**9.654.897.400**	**9.654.897.400**		**0**	**9.654.897.400**
7.1	Ban đại diện người cao tuổi		16.500.000	16.500.000			16.500.000

7.2	Phòng Nội vụ - LĐTB&XH		7.510.797.400	7.510.797.400			7.510.797.400
7.3	Phòng Giáo dục - Đào tạo		2.127.600.000	2.127.600.000			2.127.600.000
8	**CHI AN NINH - QUỐC PHÒNG**		**8.447.000.000**	**8.447.000.000**		**0**	**8.447.000.000**
	Trong đó:						
8.1	Công an		2.631.424.000	2.631.424.000			2.631.424.000
8.2	Ban chỉ huy quân sự huyện		4.430.000.000	4.430.000.000			4.430.000.000
8.3	Đồn Biên phòng		1.185.576.000	1.185.576.000			1.185.576.000
8.4	Rađa 590		100.000.000	100.000.000			100.000.000
8.5	Ra đa 32		100.000.000	100.000.000			100.000.000
9	**TRỢ GIÁ**		**9.256.000.000**	**9.256.000.000**		**9.256.000.000**	
	Ban quản lý cảng Bến Đầm		9.256.000.000			9.256.000.000	
10	**THI ĐUA KHEN THƯỞNG**		**1.483.035.000**	**923.000.000**	**560.035.000**	**0**	**1.483.035.000**
	Trong đó:						
10.1	Phòng Nội vụ - LĐTB&XH		1.165.000.000				1.165.000.000
10.2	UBMT tổ quốc VN huyện		44.000.000				44.000.000
10.3	Huyện Đoàn		84.607.000				84.607.000
10.4	Hội Liên hiệp phụ nữ		67.068.000				67.068.000
10.5	Hội Nông dân		69.716.000				69.716.000
10.6	Hội Cựu chiến binh		52.644.000				52.644.000
11	**CHI KHÁC**		**7.357.187.000**	**1.219.000.000**	**6.138.187.000**	**0**	**7.357.187.000**
11.1	Chi nhiệm vụ phát sinh trong quá trình điều hành ngân sách huyện năm 2019; chi CCTL sau khi trừ tiết kiệm chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị		6.923.355.000	1.219.000.000	5.704.355.000		6.923.355.000
11.2	Trung tâm y tế quân dân y (chi CTV CTSDD và nhân viên y tế KDC)		95.552.000		95.552.000		95.552.000
11.3	phí BCĐ THADS huyện)		106.000.000		106.000.000		106.000.000
11.5	Đảo (Hạt Kiểm Lâm): Kp tuần tra liên ngành đầu năm 2019		32.280.000		32.280.000		32.280.000

11.6	Ủy thác vốn qua PGD NHCSXH huyện		200.000.000		200.000.000		200.000.000
12	**CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ** (chi tiết tại Biểu vốn SNKT)		**84.184.000.000**	**50.991.000.000**	**33.193.000.000**		**84.184.000.000**
12.1	Chi sự nghiệp kinh tế		79.884.000.000				79.884.000.000
12.2	Chi sự nghiệp môi trường		4.300.000.000				4.300.000.000
III	**DỰ PHÒNG**		**6.432.000.000**	**6.432.000.000**			**6.432.000.000**
IV	**KẾT DƯ**		**75.814.000.000**		**75.814.000.000**		**75.814.000.000**
1	XDCB phân cấp		36.678.000.000		36.678.000.000		36.678.000.000
2	SNMT		39.136.000.000		39.136.000.000		39.136.000.000

Ghi chú:

- Kinh phí trong định mức: Phụ cấp khu dân cư, các đoàn thể khu dân cư, kinh phí hoạt động các cơ quan, đơn vị, chi nhiệm vụ đặc thù theo định mức tại Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh; Chi thanh toán cá nhân gồm quỹ lương, các khoản đóng góp; lương tính theo mức 1.390.000 đồng (hệ số lương tại thời điểm lập dự toán, tháng 11/2018)
- Nhiệm vụ chi nêu trên chưa bao gồm vốn sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp môi trường; chi khác,..

- Trên cơ sở dự toán giao, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn thực hiện để lập dự toán chi thường xuyên theo nhóm, mục, tiểu mục (Thông tư 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính và Công văn số 7080/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 của Bộ Tài chính).

Biểu 01

DỰ KIẾN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 399 /BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung thu	DT 2018		UTH năm 2018		So sánh UTH năm 2018/DT 2018		DT năm 2019		So sánh DT 2019/UTH 2018	
		Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	7	8	9=7/3	10=8/4
	Tổng thu NSNN (A+B+C+D)	**307.203**	**288.833**	**324.712**	**303.093**	**105,70%**	**104,94%**	**425.435**	**403.847**	**131,0%**	**133,2%**
A	**Thu NSNN trên địa bàn**	**57.368**	**38.998**	**74.175**	**52.556**	**129,30%**	**134,77%**	**74.250**	**52.662**	**100,1%**	**100,2%**
1	Số thu NQD từ các DN cổ phần hóa trong thời kỳ 2011-2015										
2	**DNNN Trung ương**	**3.200**	**2.372**	**5.400**	**3.708**	**168,75%**	**156,32%**	**5.700**	**3.828**	**105,6%**	**103,2%**
	Thuế GTGT	*1.750*	*1.120*	*4.400*	*2.816*	251,43%	251,43%	*4.800*	*3.072*	*109,1%*	*251,4%*
	Thuế TNDN	*550*	*352*	*300*	*192*	54,55%	54,55%	*400*	*256*	*133,3%*	*54,5%*
	Thuế tài nguyên	*900*	*900*	*700*	*700*	77,78%	77,78%	*500*	*500*	*71,4%*	*77,8%*
	Thu phạt										
3	**DNNN địa phương**	**10.000**	**6.688**	**9.300**	**6.312**	**93,00%**	**94,38%**	**10.300**	**6.952**	***110,8%***	***94,4%***
	Thuế VAT	*8.200*	*5.248*	*7.100*	*4.544*	86,59%	86,59%	*8.000*	*5.120*	*112,7%*	*86,6%*
	Thuế TNDN	*1.000*	*640*	*1.200*	*768*	120,00%	120,00%	*1.300*	*832*	*108,3%*	*120,0%*
	Thuế tài nguyên	*800*	*800*	*1.000*	*1.000*	125,00%	125,00%	*1.000*	*1.000*	*100,0%*	*125,0%*
4	**Đầu tư nước ngoài**	**14.000**	**8.965**	**14.000**	**8.322**	**100,00%**	**92,82%**	**15.000**	**9.604**	***107,1%***	***92,8%***
	Thuế VAT	*11.740*	*7.514*	*11.740*	*7.514*	100,00%	100,00%	*11.970*	*7.661*	*102,0%*	*100,0%*
	Thuế TNDN	*2.100*	*1.344*	*2.100*	*700*	100,00%	52,08%	*2.800*	*1.792*	*133,3%*	*52,1%*
	Thuế TTĐB	*145*	*93*	*145*	*93*	100,00%	100,00%	*220*	*141*	*151,7%*	*100,0%*
	Thuế tài nguyên	*15*	*15*	*15*	*15*	100,00%	100,00%	*10*	*10*	*66,7%*	*100,0%*
5	**Thu NQD**	**16.650**	**10.739**	**17.290**	**11.193**	**103,84%**	**104,23%**	**19.800**	**12.812**	**114,5%**	**104,2%**
-	*Thuế GTGT*	*14.000*	*8.960*	*14.000*	*8.960*	*100,00%*	*100,00%*	*16.850*	*10.784*	*120,4%*	*100,0%*
-	*Thuế TNDN*	*2.200*	*1.408*	*2.686*	*1.719*	*122,09%*	*122,09%*	*2.300*	*1.472*	*85,6%*	*122,1%*
-	*Thuế TTĐB*	*220*	*141*	*250*	*160*	*113,64%*	*113,64%*	*260*	*166*	*104,0%*	*113,6%*
-	*Thuế tài nguyên*	*230*	*230*	*354*	*354*	*153,91%*	*153,91%*	*390*	*390*	*110,2%*	*153,9%*
6	Lệ phí trước bạ	700	*700*	1.700	*1.700*	242,86%	242,86%	1.500	1.500	88,2%	88,2%
7	Thuế TNCN	4.600	1.536	8.000	*3.868*	173,91%	251,82%	6.500	2.816	81,3%	72,8%

STT	Nội dung thu	DT 2018		UTH năm 2018		So sánh UTH năm 2018/DT 2018		DT năm 2019		So sánh DT 2019/UTH 2018	
		Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng	Thu NSNN	NSH được hưởng
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	7	8	9=7/3	10=8/4
8	Thuế SD đất nông nghiệp										
9	Thuế SD đất phi NN			20	20						
10	Tiền thuê đất	1.000	1.000	2.777	2.777	277,70%	277,70%	2.000	2.000	72,0%	72,0%
	Tr.đ: tiền thuê đất từ KCN										
11	Phí, lệ phí	1.150	1.150	1.100	1.100	95,65%	95,65%	1.200	1.200		
12	Thu tiền sử dụng đất	5.000	5.000	10.000	10.000	200,00%	200,00%	11.000	11.000	110,0%	110,0%
13	Thuế BVMT										
14	Thu cấp quyền khai thác KS			436	436						
15	Thu khác ngân sách	1.068	848	4.152	3.120	388,76%	367,92%	1.250	950		
B	**Thu bổ sung từ NS cấp trên**	**249.835**	**249.835**	**250.537**	**250.537**	**100,28%**	**100,28%**	**275.371**	**275.371**	109,9%	109,9%
	- Bổ sung cân đối	247.182	247.182	247.182	247.182			247.182	247.182	100,0%	100,0%
	- Bổ sung có mục tiêu	2.653	2.653	3.355	3.355	126,45%	126,45%	28.189	28.189	840,2%	840,2%
C	**Thu chuyển nguồn**										
D	**Thu kết dư**							**75.814**	**75.814**		

Biểu 02

DỰ KIẾN NHIỆM VỤ CHI NĂM 2019 THEO LĨNH VỰC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Lĩnh vực chi	Dự toán năm 2018			So sánh UTH 2018/DT 2018	Dự toán năm 2019		So sánh	
		Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao đầu năm	UTH năm 2018		Dự kiến UBND tỉnh giao	Dự kiến trình HĐND	DT 2019/DT2018 (HĐND huyện)	DT 2019 huyện/ DT 2019 tỉnh giao
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8/4	10=8/7
	TỔNG CỘNG	**288.033**	**288.833**	**279.053**	**96,61%**	**328.033**	**403.847**	**123,11%**	**139,82%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**75.163**	**75.163**	**67.672**	**90,03%**	**83.995**	**83.995**	**115,45%**	**100,00%**
1	Chi XDCB	57.158	57.158	60.893	106,53%	65.990	65.990	115,45%	100,00%
1.1	Chi XDCB từ nguồn tập trung	35.000	35.000			40.000	40.000	114,29%	100,00%
1.2	SXKT	14.000	14.000			8.000	8.000	57,14%	100,00%
1.3	Chi từ nguồn tiền sd đất	5.000	5.000			11.000	11.000	220,00%	100,00%
1.4	Chi đảm bảo mặt bằng dự toán 2016	1.071	1.071			1.071	1.071	100,00%	100,00%
1.5	Chi từ nguồn tăng thu	2.087	2.087			5.919	5.919	283,61%	100,00%
2	Chi mua sắm, sửa chữa TS	18.005	18.005	6.779	37,65%	18.005	18.005	100,00%	100,00%
II	**Chi thường xuyên**	**207.207**	**208.007**	**210.115**	**101,01%**	**237.606**	**237.606**	**114,23%**	**100,00%**
1	Chi sự nghiệp kinh tế, trong đó:	22.972	56.684	45.239	79,81%	51.114	84.184	148,51%	164,70%
	Chi SNMT	*4.300*	*4.300*			*4.300*	*4.300*	100,00%	
	Chi ứng dụng KHCN	*110*	*110*			*123*	*123*	111,82%	
2	Sự nghiệp kinh tế khác		7.643	8.143	106,54%	**0**	8.088	105,83%	
3	Sự nghiệp VHTT, TDTT	726	4.866	4.478	92,03%	726	4.991	102,57%	687,44%
4	Sự nghiệp PTTH	3.513	4.473	4.959	110,87%	3.513	4.728	105,69%	134,58%
5	Chi sự nghiệp giáo dục	35.321	37.070	37.070	100,00%	36.282	39.616	106,87%	109,19%
6	Chi đào tạo	271	1.394	1.394	100,00%	271	1.394	100,00%	514,39%

Số TT	Lĩnh vực chi	Dự toán năm 2018			So sánh UTH 2018/DT 2018	Dự toán năm 2019		So sánh	
		Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao đầu năm	UTH năm 2018		Dự kiến UBND tỉnh giao	Dự kiến trình HĐND	DT 2019/DT2018 (HĐND huyện)	DT 2019 huyện/ DT 2019 tỉnh giao
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8/4	10=8/7
7	Chi sự nghiệp y tế								
8	Chi quản lý hành chính	48.983	57.119	69.316	121,35%	48.097	58.407	102,26%	121,44%
9.1	*Chi QLNN*		*33.818*				*33.967*		
9.2	*Chi Đảng*		*14.130*				*14.715*		
9.3	*CácĐoàn thể, Hội đặc thù*		*9.171*				*9.725*		
10	Chi đảm bảo xã hội	10.181	8.819	8.819	100,00%	10.283	9.655	109,48%	93,89%
11	Chi an ninh - quốc phòng	8.447	8.447	8.447	100,00%	8.447	8.447	100,00%	100,00%
12	Chi trợ giá	11.008	11.808	11.136	94,31%	9.256	9.256	78,39%	100,00%
13	Chi thi đua, KT	923	1.418	1.418	100,00%	923	1.483	104,59%	160,68%
14	Chi dân số thấp	61.556				61.556			0,00%
15	Chi thực hiện CCTL 1.390.000 đồng	2.087	2.088	2.196	105,17%	5.919		0,00%	0,00%
17	Chi khác	1.219	6.178	7.500	121,40%	1.219	7.357	119,09%	603,54%
III	**Dự phòng**	**5.663**	**5.663**	**1.266**	**22,36%**	**6.432**	**6.432**	**113,58%**	
IV	**Kết dư ngân sách**						**75.814**		
1	Xây dựng cơ bản						36.678		
2	Sự nghiệp môi trường						39.136		